TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2024
V/v tranh chấp " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Trúc Linh.**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Bé Bảy**

2. Bà **Lê Thị Thu Yến.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Trạng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Lễ** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-HN ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Vương Thị Thanh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: số 304 đường Ấp Bắc, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Anh Mai Châu T1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số 97 ấp 3A, xã Đạo Thạnh, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Vương Thị Thanh T trình bày: chị và anh Mai Châu T1 cưới nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 17/12/2008. Thời gian chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không phù hợp. Nhận thấy hiện tại chị đã không còn tình cảm với anh T1 nên chị yêu cầu được ly hôn. Về con chung, chị và anh T1 có 02 con chung tên Mai Thúy N sinh ngày 07/09/2009 và Mai Ngọc Y sinh ngày 17/8/2012, hiện cháu đang sống cùng mẹ. Ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng. Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Mai Châu T1 đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án và không nộp bất kỳ văn bản ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T1, bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T và anh T1. Về nội dung theo lập luận nêu tại bài phát biểu. Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Giao Mai Thúy N sinh ngày 07/09/2009 và Mai Ngọc Y sinh ngày 17/8/2012 cho chị T nuôi dưỡng, anh T1 có nghĩa cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.. Về tài sản chung và nợ chung chị T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1].Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Vương Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn với anh Mai Châu T1 có địa chỉ tại thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định là tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M.

[2]. Sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn không có đơn xin xét xử vắng mặt, và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh T1 cưới nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 17/12/2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới chị T và anh T1 chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, anh T1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay.

Qua trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị T khẳng định không thể hàn gắn với anh T1 vì chị không còn tình cảm, chị đã cho anh T1 nhiều thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

[3.2]. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân của chị T và anh T1 là không thể hàn gắn, vì không có sự vun đắp, xây dựng gia đình từ hai phía, thời gian sống ly thân dài, nhưng cả hai vẫn không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Bị đơn vắng mặt trong suốt

quá trình giải quyết vụ án, và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hợp lệ xem như từ bỏ các quyền của mình theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn chị T, cho chị T được ly hôn với anh T1.

[3.3]. Về nuôi con chung: Đối với con chung tên Mai Thúy N sinh ngày 07/09/2009 và Mai Ngọc Y sinh ngày 17/8/2012 hiện đang sống cùng với chị T. Xét thấy, hiện tại chị T đang chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nvà cháu Y, cả hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ. Phía anh T1 cũng không có văn bản ý kiến đối với việc nuôi con khi ly hôn của chị T. Do đó, để ổn định tâm lý, sinh hoạt, nơi ở cho cháu N và cháu Y, và theo nguyện vọng của hai cháu cần tiếp tục giao hai cháu cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh T1 được quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

[3.4]. Về cấp dưỡng nuôi con: chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng / tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3.5]. Về tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Châu Mai T1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị Thanh T.

- Về hôn nhân: chị Vương Thị Thanh T được ly hôn với anh Mai Châu T1.

- Về con chung: Giao cháu Mai Thúy N sinh ngày 07/09/2009 và Mai Ngọc Y sinh ngày 17/8/2012 cho chị Vương Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Mai Châu T1 phải cấp dưỡng nuôi cháu Ngân và cháu Yên, mỗi cháu 1.000.000 đồng / tháng, đến khi hai cháu đủ 18 tuổi lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con

chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

- Chị Vương Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005708 ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M nên chị đã nộp xong.

- Anh Mai Châu T1 phải chịu 300.000 đồng tiến án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T anh T1 có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- UBND xã Đạo Thạnh, TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Cao Thị Trúc Linh